**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN BÁ THƯỚC**
**TỈNH THANH HOÁ**
Bản án số:154/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 11 năm 2019
V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HÓA**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Quyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Đàn

2. Bà Phạm Thị Yến

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Cao Thị Nhung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bá Thước.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa***:

Bà Hà Phương Lan –Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 117a/2019/TLST-HNGĐ ngày 26/09/2019 về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/QĐXX-ST ngày 24/10/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Chị Lê Thị D ; Sinh năm 1967

*Bị đơn*: Anh Nguyễn Mạnh C ; Sinh năm 1966.

Đều cư trú: Thôn B, xã Q, huyện B T , tỉnh T H .

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án chị Lê Thị D trình bày; Chị D và anh C tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau năm 1989, nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng mâu thuẫn từ năm 1998 theo chị D do anh C có quan hệ với người phụ nữ khác. Đến năm 2006 anh C bị Tòa án tỉnh Thanh Hóa xét xử về tội

"mua bán trái phép chất ma túy" và bị xử phạt 15 năm tù. Trong thời gian anh C đi tù chị D cũng thăm nuôi. Nhưng sau khi ra tù vào tháng 08 năm 2019 thì anh C về nhà thường xuyên đe dọa và nhục mạ, thậm chí đánh đập chị D . Chị D không chịu đựng được và không còn tình cảm với anh C nên tha thiết xin ly hôn.

*Về con chung*: Chị D và anh C có 04 con chung:

Cháu Nguyễn Thị H sinh năm 1990; Cháu Nguyễn Thị H ; Sinh năm 1992 và hai cháu sinh đôi Nguyễn Mạnh Q ; Sinh ngày 24/02/2001 và Nguyễn Mạnh T ; Sinh ngày 24/02/2001.

*Về tài sản*: Chị D không yêu cầu giải quyết.

*Về nợ chung* : Chị D trình bày: Không có.

Quá trình làm việc tại Tòa án anh C trình bày: Anh và chị D quen nhau 03 (ba) tháng thì quyết định đi đến hôn nhân. Nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi lấy nhau sống hạnh phúc. Năm 2006 anh Cường bị xử phạt 15 năm tù về tội ma túy. Đến tháng 08 năm 2019 anh C ra tù nghe nói chị D ở nhà không chung thủy. Trong thời gian anh đi tù chị D ở nhà ngoại tình. Và sau khi anh ở tù về chị D một mực xin ly hôn và bỏ nhà đi nay ở nhà này mai ở nhà khác. Anh C không đồng ý ly hôn vì mong muốn đoàn tụ để lo cho các con.

Về con chung: Có 04 con chung như chị D trình bày là đúng.

*Về tài sản*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Sau khi nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử anh C vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án đã Hoãn phiên tòa và tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho anh C . Chị D có đơn xin xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định, trình tự của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*:

Chị Lê Thị D và anh Nguyễn Mạnh C tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng chỉ tổ chức cưới theo phong tục tập quán về chung sống với nhau từ năm 1989 đến nay và không đăng ký kết hôn. Vì vậy cuộc sống chung của chị D và anh C không phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14; Khoản 2 điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình. Không công nhận quan hệ giữa chị Lê Thị D và anh Nguyễn Mạnh C là vợ chồng.

*Về con chung:* Con đã thành niên HĐXX không xem xét.

*Về tài sản và nợ chung*: Chị Lê Thị D và anh Nguyễn Mạnh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

*Về án phí:* Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, chị Lê Thị D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

**1**.Căn cứ: Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

**2**.Không công nhận quan hệ giữa chị Lê Thị D và anh Nguyễn Mạnh C là vợ chồng.

**3**. *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, Chị Lê Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị D đã nộp theo biên lai thu số: AA/2018/0005140 ngày 25 tháng 09 năm 2019 (chị D đã nộp đủ).

Án sơ thẩm vắng mặt các đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận án sơ thẩm hoặc niêm yết án hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- Viện kiểm sát;
- Các đương sự;
…….
- Lưu.

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬSƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Trần Thị Quyên***

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Trần Thị Quyên***

H□XX S□ THỘM

C□C H□I THỘM NHÂN DÂN THỘM PH□N - CH□ T□A PHI□N TĐA

**Cao Xuân Băng** **Lê Thị Hiền** **Trần Thị Quyên**